

# Bản Tin

# THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

## BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

## CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 22 NĂM 2019

KỲ 02 THÁNG 11 NĂM 2019

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin  
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:

Số 47/GP-XBBT

Cấp ngày 20/8/2019

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

## MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
- 3 **THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**
- 3 Thị trường nông, lâm, thủy sản trong tháng 11 và 11 tháng năm 2019
- 5 Diện tích trồng bơ và sầu riêng tại Đắk Lắk và Đắk Nông vượt xa so với quy hoạch
- 5 **THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 7 Tuân thủ các quy định là yếu tố quan trọng nhất để đẩy mạnh xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản
- 11 Xuất khẩu hàng thủy sản sang Nga tăng mạnh
- 14 Ấn Độ tăng nhập khẩu cao su từ Việt Nam
- 17 **THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 17 Quảng Bình xây dựng thương hiệu nông, thủy sản
- 19 Khai mạc Lễ hội cam Cao Phong lần thứ V
- 19 Công bố nhãn hiệu tập thể sản phẩm cam, bưởi Mường Động
- 20 Trao văn bằng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận "Cam Sơn Mai"
- 20 Big C ký kết với 9 nhà cung cấp của tỉnh Bắc Kạn
- 21 **THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ**
- 21 Việt Nam sẽ tạm ngừng kinh doanh tạm nhập tái xuất gỗ dán sang Mỹ
- 21 Nhà nước hỗ trợ 895 tấn hạt giống cây trồng vụ Đông xuân 2019- 2020
- 22 Cấp chứng thư mới cho các lô hàng thủy sản xuất khẩu sang EU
- 22 Bộ Tài chính đề xuất miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong 10 năm
- 23 **THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 23 Giá nhiều mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới có xu hướng tăng
- 24 Thị trường Hồng Kông đẩy mạnh nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản
- 28 **TIN VĂN**

# TỔNG QUAN

Trong hai tuần cuối tháng 11/2019, giá nhiều mặt hàng nông sản tại thị trường nội địa tiếp tục xu hướng tăng do nhu cầu tiêu thụ tăng cao vào thời điểm cuối năm. Đáng chú ý, giá mặt hàng nhân điều xô tại Bình Phước ghi nhận mức tăng mạnh tới 10,9% so với giữa tháng 11/2019 và tăng 31,5% so với cuối tháng 10/2019 lên 35.500 đồng/kg trong bối cảnh ngành điều đang bước vào mùa sản xuất cao điểm. Trong khi đó, giá lúa gạo tiếp tục xu hướng giảm do nhu cầu tiêu thụ trên thị trường thế giới vẫn ở mức thấp.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, mặc dù tính đến cuối tháng 11/2019, đã có một số địa phương kiểm soát và công bố hết dịch bệnh tả lợn châu Phi, tuy nhiên nhìn chung dịch bệnh vẫn có những diễn biến phức tạp dù với cường độ thấp hơn thời gian trước đó. Tính đến ngày 25/11, số huyện có dịch là 166 huyện/63 tỉnh. Số lượng lợn chết và tiêu hủy khoảng 5,9 triệu con với 338.000 tấn. Đến nay, có khoảng 4.823 xã đã qua 30 ngày hết dịch mà không tái dịch, chiếm 56%, nhưng trong tháng 11/2019 đã có 146 xã phát hiện có dịch trở lại. Diễn biến này đang tiếp tục gây thiệt hại lớn cho ngành chăn nuôi đồng thời kéo giá thịt lợn tăng mạnh. Theo đó, từ tháng 6/2019, giá mặt hàng thịt lợn có xu hướng tăng dần, tăng mạnh nhất từ cuối tháng 10 đến nay (tăng

khoảng 25-30% so với tháng 9/2019) và hiện đang ở mức khá cao. Trong buổi làm việc giữa Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hai bộ đã thống nhất dự báo nguồn cung thịt lợn các tháng cuối năm thiếu khoảng 200 nghìn tấn. Trước nguy cơ thiếu hụt nguồn cung thịt lợn trong nước, Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ giao các bộ, ngành tính toán số liệu cụ thể nguồn thiếu hụt để xem xét nhập khẩu thịt lợn để cân đối cung-cầu, nhất là trong dịp Lễ, Tết cuối năm.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, trong 11 tháng năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 32,59 tỷ USD, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13,5% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Trong đó, đã có 7/10 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỷ USD bao gồm: Gỗ và sản phẩm gỗ; thủy sản; rau quả; hạt điều; gạo; cà phê và cao su. Trong giai đoạn này, những trở ngại, thách thức lớn nhất mà xuất khẩu nông, lâm, thủy sản phải đối mặt chính là việc phải tự thay đổi để đáp ứng được các quy định, yêu cầu mới trong điều kiện nhập khẩu của nhiều thị trường để có thể tận dụng hiệu quả ưu đãi từ các Hiệp định FTA, đưa hàng nông sản Việt Nam tiến sâu hơn vào thị trường thế giới.

## **Một số thông tin đáng chú ý:**

- Ngày 12/11/2019, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký ban hành Thông tư số 22/2019/TT-BCT quy định về việc tạm ngừng kinh doanh chuyển khâu, kinh doanh tạm nhập gỗ dán vào Việt Nam để tái xuất sang Mỹ và sẽ áp dụng vào cuối tháng 12 năm 2019.
- Từ ngày 14/12/2019, các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào EU (ngoài ra còn một số sản phẩm đùi ếch, ốc sên, gelatin và sản phẩm phối chế) sẽ thực hiện việc cấp chứng thư theo hệ thống mới Traces New Technology - TRACESNT thay cho hệ thống TRACE Classic.
- Trong tháng 11/2019, thị trường nông sản thế giới tiếp tục biến động xung quanh những thông tin về cuộc đàm phán thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc cùng với yếu tố về cung cầu.

## THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG THÁNG 11/2019 VÀ 11 THÁNG NĂM 2019



Trong tháng 11/2019, giá các mặt hàng nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước có xu hướng tăng so với tháng trước. Tuy nhiên, so với cuối năm 2018, ngoại trừ mặt hàng cao su có giá tăng mạnh, các mặt hàng còn lại đều giảm.

+ Kết thúc phiên giao dịch ngày 27/11/2019, giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên đã tăng 4,4% so với cuối tháng 10/2019, đạt 32.900 đ/kg. Sản lượng cà phê niên vụ 2019/2020 của Việt Nam dự kiến sẽ tương tự như vụ trước là 30 triệu bao. Hiện nay 15% vụ mùa 2019/2020 của Việt Nam đã được thu hoạch và nguồn cung sẽ dồi dào vào tháng 12/2019. Giá cà phê đang được hỗ trợ bởi thông tin xuất khẩu cà phê của Braxin giảm 2 tháng liên tiếp đã khiến thị trường dấy lên lo ngại thiếu hụt nguồn cung.

+ Trong tháng 11/2019, giá sản lát trừ bột 30% tại Tây Nguyên và Tây Ninh tăng 2,2% - 2,9% so với tháng 10/2019.

Thời điểm hiện tại, nguồn sản lát vụ 2018/2019 gần như đã hết và các giao dịch chủ yếu là hàng vụ mới 2019/2020. Giá bán sản lát được dự báo có thể đảo chiều giảm trong thời gian tới do nguồn cung tăng khi vào vụ.

+ Điều là mặt hàng có biến động giá tăng mạnh nhất trong tháng 11/2019 do đang bước vào cao điểm mùa sản xuất cuối năm. Tại Bình Phước, giá nhân điều xô tăng tới 31,5% (tương đương 8.500 đ/kg) so với cuối tháng 10/2019, đạt 35.500 đ/kg.

+ Giá mủ cao su nước tại vườn và nhà máy cũng tăng 7% - 8% trong tháng 11/2019, dao động từ 28.700 – 29.200 đ/kg. Giá cao su tăng theo xu hướng chung của thị trường thế giới trước lo ngại sự bùng phát của một loại bệnh nấm trên cây cao su tại Thái Lan, dẫn đến những lo ngại về nguồn cung. Thái Lan hiện là nhà sản xuất và xuất khẩu cao su tự nhiên hàng đầu thế giới, chiếm tới 40% nguồn cung toàn cầu.

+ Trong tháng 11/2019, giá cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp giảm 4,9% (1.000 đ/kg) so với tháng 10/2019, xuống chỉ còn 19.500 đ/kg. Giá cá tra giảm mạnh do năm 2018 giá cá tăng cao nên người dân đẩy mạnh nuôi, dẫn đến năm nay cung vượt cầu, trong bối cảnh xuất khẩu sụt giảm. Tổng cục Thủy sản ước tính sản lượng tôm và cá tra năm nay đạt và vượt kế hoạch đề ra, đảm bảo cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, xuất khẩu (cá tra hiện còn khoảng 500 nghìn tấn; tôm sú khoảng hơn 100 nghìn tấn; tôm thẻ chân trắng khoảng trên 180 nghìn tấn). Tuy nhiên, giá tôm và cá tra sẽ khó tăng lên trong thời gian tới.

+ Giá lúa gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long giảm nhẹ so với tháng 10/2019. Tính đến ngày 27/11/2019, giá gạo nguyên liệu IR 504 đạt 6.600 đ/kg, giảm 50 đ/kg so với cuối tháng 10/2019. Tương tự, giá gạo thành phẩm IR 504 cũng giảm 50 đ/kg, đạt 7.400 đ/kg. Giá giảm do nhu cầu vẫn yếu, mặc dù Philippin đã quyết định không tạm ngừng nhập khẩu gạo, nhưng thay vào đó, nước này sẽ thắt chặt các biện pháp an toàn thực phẩm để kiểm soát nhập khẩu gạo. Giá chào bán gạo của Việt Nam hiện đang dao động ở mức 345 - 350 USD/tấn.

### Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 27/11/2019

Tên hàng	Ngày 27/11/2019 (đ/kg)	So với ngày 28/10/2019 (%)	So với cuối năm 2018 (%)
Gạo nguyên liệu IR 504	6.600	-0,8	-9,0
Gạo thành phẩm IR 504	7.400	-0,7	-9,2
Tấm gạo IR 504	6.700	0,0	-15,2
Cám vàng	6.050	1,7	10,0
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	32.900	4,4	-1,5
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	35.500	31,5	-9,0
Điều W240	255.000	0,0	-11,8
Điều W 320	245.000	0,0	-9,3
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	42.000	0,0	-20,8
Sắn lát trữ độ bột 30% tại Tây Nguyên	2.300	2,2	-17,9
Sắn lát trữ độ bột 30% tại Tây Ninh	2.780	9,0	
Sắn lát trữ độ bột 30% tại miền Bắc	1.750	0,0	-31,4
Mủ chén, dây khô	12.000	8,1	39,5
Mủ chén ướt	8.300	7,8	38,3
Mủ đông khô	10.800	8,0	38,5
Mủ đông ướt	8.700	7,4	38,1
Mủ cao su nước tại vườn	28.700	9,1	22,1
Mủ cao su nước tại nhà máy	29.200	9,0	21,7
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	19.500	-4,9	-39,1
Tôm càng xanh (15 - 20 con/kg) Đồng Tháp	220.000	-4,3	-15,4
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	55.000	22,2	-8,3
Mực ống tại Đà Nẵng (15 - 24 cm/con)	130.000	8,3	-13,3
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	330.000	17,9	17,9
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	130.000	8,3	13,0

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

## DIỆN TÍCH TRỒNG BƠ VÀ SẦU RIÊNG TẠI ĐẮK LẮK VÀ ĐẮK NÔNG VƯỢT XA SO VỚI QUY HOẠCH

Trong những năm gần đây, trên địa bàn hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông, diện tích trồng bơ và sầu riềng phát triển nhanh chóng do đây là 2 loại cây mang lại hiệu quả kinh tế cao, được người dân lựa chọn để trồng thay thế các cây công nghiệp. Tuy nhiên, tình trạng này cũng khiến cây bơ, sầu riềng đối mặt với nhiều thách thức về đầu ra của sản phẩm cũng như chất lượng vườn cây.



Theo số liệu thống kê của Chi cục Phát triển Nông nghiệp tỉnh Đắk Nông, từ năm 2014 - 2018, diện tích cây bơ tăng đột biến từ 390ha lên đến 2.583ha. Riêng trong năm 2018, sản lượng bơ toàn tỉnh Đắk Nông là 13.116 tấn, tăng hơn 3 lần so với năm 2017. Ngành Nông nghiệp tỉnh dự báo trong năm 2019, sản lượng bơ của tỉnh ước đạt khoảng 23.750 tấn. Theo quy hoạch, diện tích bơ của tỉnh được trồng tập trung đến năm 2020 là 1.200 ha. Với diện tích trồng như hiện nay, diện tích bơ toàn tỉnh đã vượt 1.390 ha so với quy hoạch. Đối với sầu riềng, hiện đây là cây trồng có diện tích lớn nhất trong khoảng 17 loại cây ăn quả trên địa bàn tỉnh. Những năm gần đây, diện tích sầu riềng tăng nhanh ở tất cả các huyện, thị xã. Cụ thể, năm 2017, toàn tỉnh có khoảng 1.305 ha sầu riềng thì đến năm 2018 đã lên mức 2.022 ha, sản

lượng 8.315 tấn. Đến thời điểm này, cây sầu riềng đã vượt khoảng 400 ha so với quy hoạch loại cây trồng này của tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.

Trong khi đó, Đắk Lắk hiện là vùng có diện tích trồng bơ và sầu riềng lớn nhất vùng Tây Nguyên. Theo số liệu của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Đắk Lắk, cũng trong giai đoạn từ năm 2014 - 2018, diện tích sầu riềng của tỉnh này tăng từ 1.651 ha lên 6.089 ha (tăng 4.438 ha so với năm 2014); diện tích bơ tăng từ 97 ha lên đến 5.606 ha (tăng 5.509 ha so với năm 2014). Tổng sản lượng bơ của tỉnh năm 2018 ước đạt 38.595 tấn, tăng 3.051 tấn so với năm 2017. Tuy nhiên, nếu tính cả diện tích trồng xen trong vườn cà phê, thì tổng diện tích bơ lên đến 12.686 ha. Theo quy hoạch, đến năm 2020, diện tích sầu riềng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 5.000 ha, diện tích bơ là 4.000 ha nhưng đến nay, 2 loại cây ăn quả này đã vượt quy hoạch hơn 1.000 ha, đó là chưa kể đến hàng ngàn ha được trồng mới trong năm 2019.

Với tốc độ mở rộng diện tích như hiện nay, người trồng bơ và sầu riềng tại các địa phương này sẽ phải đối mặt với nhiều nguy cơ rủi ro về chất lượng cây giống, sâu bệnh, tác động của thời tiết cộng với tình trạng nông dân ồ ạt trồng bơ, sầu riềng cũng có thể dẫn đến hệ lụy rớt giá, mất giá.

### **Giá bơ và sầu riềng giảm mạnh**

Trong tháng 11/2019, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã cơ bản thu hoạch xong vụ sầu riềng năm 2019, tuy nhiên giá sầu riềng năm nay đã giảm đáng kể so với năm trước. Theo đó, trong năm 2019 giá sầu riềng đầu vụ được thu mua ở mức 40.000 đồng/kg, đến cuối vụ giá tăng lên 55.000 – 60.000 đồng/kg, thấp hơn so với mức giá dao động từ 55.000 - 60.000 đồng/kg vào đầu vụ và đạt kỷ lục trên 90.000 đồng/kg ngay tại vườn vào thời điểm cuối vụ trong năm 2018.

Bên cạnh nguyên nhân là diện tích sâu riêng bước vào thời kỳ thu hoạch tăng mạnh khiến cho sản lượng lớn thì thị trường tiêu thụ là nguyên nhân chính. Theo đó, trong những năm trước sâu riêng chủ yếu được xuất khẩu theo đường tiểu ngạch sang thị trường Trung Quốc do loại quả này chưa nằm trong danh sách những loại trái cây được phép xuất khẩu chính ngạch, nhưng trong năm 2019, xuất khẩu mặt hàng này đã gặp rất nhiều khó khăn do chính sách siết chặt nhập khẩu tiểu ngạch của phía Trung Quốc dẫn đến biến động trên thị trường tiêu thụ và lượng xuất khẩu giảm mạnh.

Cùng với sâu riêng, diện tích bơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông tăng nhanh cũng khiến thị trường tiêu thụ loại trái cây này cũng gặp nhiều khó khăn, kéo theo giá bơ giảm mạnh. Nếu như trong 5 năm trước, giá bơ Booth khoảng 90.000- 120.000 đồng/kg thì đến 2 năm gần đây, giá bơ đã giảm mạnh xuống chỉ còn 50.000- 60.000 đồng/kg. Hiện phần lớn bơ mới chỉ được tiêu thụ tại thị trường trong nước, chỉ có một số ít đơn hàng được xuất khẩu sang Đài Loan, New Zealand hay Australia.

Mặc dù giá sâu riêng và bơ sụt giảm nhưng so với cây trồng khác vẫn là cây cho thu nhập cao. Tuy nhiên xét về lâu dài, nếu không có thị trường tiêu thụ ổn định thì sẽ tiếp diễn tình trạng cung vượt cầu, đặc biệt trong bối cảnh những năm tới đây diện tích sâu riêng và bơ cho thu hoạch tăng mạnh bởi những năm qua người dân đầu tư trồng nhiều loại cây này.

Đối với cây bơ, hiện nguồn cung bơ đang ngày càng gia tăng, nhiều giống bơ cho trái gần như quanh năm (từ tháng 1 đến tháng 11), năng suất cao như bơ Cuba, bơ 034, bơ Booth, bơ Hass, bơ sáp... Tuy nhiên giá trị hàng hóa của quả bơ còn thấp do hạn chế trong khâu ứng dụng khoa học kỹ thuật, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, nông dân trồng không theo quy hoạch, quy trình sản xuất chưa đảm bảo, đầu ra sản phẩm không ổn định, chưa xây dựng được thương hiệu, chỉ dẫn địa



lý, dẫn đến sản phẩm theo đúng thị hiếu, nhu cầu của thị trường nước ngoài chưa nhiều. Chính vì vậy, trong thời gian tới, để quả bơ có thể trở thành thế mạnh xuất khẩu và thâm nhập được vào các thị trường khó tính, cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các vùng trồng, người nông dân và các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản. Ngoài ra, Việt Nam cần tìm kiếm và tuyển chọn những giống cây bơ ngon, chất lượng, năng suất cao, đặc biệt có chiến lược quảng bá tiếp thị hiệu quả.

Đối với sâu riêng, để sâu riêng phát triển bền vững thì chính quyền, doanh nghiệp và đặc biệt người nông dân phải thay đổi phương thức sản xuất từ tự phát sang trồng sâu riêng có kiểm soát, tăng cường các hoạt động hội chợ, hội thảo giới thiệu, quảng bá mặt hàng sâu riêng để đẩy mạnh tiêu thụ tại thị trường trong nước. Đối với thị trường xuất khẩu, hiện Cục Bảo vệ Thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) đang phối hợp với các đơn vị liên quan cố gắng để hoàn tất các thủ tục đối với quả sâu riêng, sớm hoàn thiện các thủ tục pháp lý nhằm đưa loại trái cây này xuất khẩu chính ngạch vào thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, để đảm bảo các điều kiện cơ bản cho việc xuất khẩu chính ngạch sâu riêng ra thị trường nước ngoài, chính quyền các địa phương cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cho bà con nông dân và doanh nghiệp trồng sâu riêng chuẩn bị các điều kiện cần thiết, đặc biệt là thực hiện canh tác theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất nguồn gốc xuất xứ.

## TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG NHẤT ĐỂ ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU NHÓM HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

Tiếp nối xu hướng hồi phục trong tháng 10/2019, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 11/2019 vẫn ghi nhận đà tăng trưởng. Đây được coi là diễn biến tất yếu bởi theo chu kỳ, xuất khẩu các mặt hàng này thường ở mức cao trong giai đoạn cuối năm do nhu cầu hàng hóa phục vụ các ngày Lễ, Tết tăng cao.

Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực (bao gồm thủy sản; rau quả; hạt điều; hạt tiêu; gạo; chè; cao su; cà phê; sắn; gỗ và sản phẩm gỗ) trong tháng 11/2019 đạt 3,09 tỷ USD, mặc dù giảm 4,4% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 2,7% so với tháng 11/2018. Trong đó, ghi nhận sự tăng tốc rõ nét trong kim ngạch xuất khẩu của các mặt hàng rau quả (tăng 23,6%); cao su (tăng 16,2%) hay gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 7,1%). Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng trọng điểm như thủy sản, gạo, cà phê ... tiếp tục suy giảm.

Với kết quả này, tính chung trong 11 tháng năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 32,59 tỷ USD, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13,5% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Trong đó, đã có 7/10 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỷ USD.



### Ước tính xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 11 và 11 tháng năm 2019

(ĐVT: Lượng: 1.000 tấn; Kim ngạch: Triệu USD)

Mặt hàng chủ yếu	Ước tính tháng 11/2019		Ước tính 11 tháng năm 2019		So sánh (%)					
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	T11/2019 so với T10/2019		T11/2019 so với T11/2018		11T/2019 so với 11T/2018	
					Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
<b>Tổng kim ngạch xuất khẩu</b>		<b>22.600</b>		<b>241.423</b>		<b>-6,7</b>		<b>3,8</b>		<b>7,8</b>
<b>Nhóm nông, lâm, thủy sản</b>				<b>32.588,4</b>		<b>-4,4</b>		<b>2,7</b>		<b>0,4</b>
<b>Tỷ trọng</b>		<b>13,7</b>		<b>13,5</b>						
Gỗ và sản phẩm gỗ		900		9.455		-13,2		7,1		17,2
- Sản phẩm gỗ		700		6.841		-6,4		14,7		20,6
Thủy sản		780		7.839		-6,6		-1,8		-2,3
Rau quả		320		3.434		7,7		23,6		-2,4
Hạt điều	40	285	412	2.985	-9,1	-6,5	14,6	2,9	21,5	-3,4
Gạo	400	186	5.906	2.597	-11,3	-10,8	1,3	-3,3	4,8	-8,3
Cà phê	120	207	1.473	2.538	37,1	31,4	-13,9	-20,4	-14,6	-22,2
Cao su	200	260	1.504	2.024	4,2	4,3	11,3	16,2	8,1	7,6
Sắn và các sản phẩm từ sắn	230	88	2.139	834	30,7	23,7	6,3	-8,3	-3,8	-5,3
- Sắn	26	10	306	71	130,3	234,7	-15,9	36,6	-54,1	-51,4
Hạt tiêu	16	37	266	671	-6,3	-10,2	28,1	-4,5	21,0	-6,5
Chè	14	22	122	211	-0,9	-9,0	17,8	-1,3	5,8	8,0

Nguồn: Số liệu ước tính của Tổng cục Thống kê

### **- Mặt hàng thủy sản:**

Trong tháng 11/2019, xuất khẩu thủy sản tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn trong bối cảnh xuất khẩu sang các thị trường trọng điểm như Mỹ, EU vẫn trên đà suy giảm do ảnh hưởng bởi các rào cản thương mại, giá nguyên liệu trong nước giảm mạnh tác động trực tiếp tới giá xuất khẩu và việc Ủy ban châu Âu (EC) áp dụng “thẻ vàng” đối với sản phẩm khai thác hải sản của Việt Nam. Theo số liệu ước tính, kim ngạch xuất khẩu thủy sản trong tháng 11/2019 chỉ đạt khoảng 780 triệu USD, giảm 6,6% so với tháng 10/2019 và giảm 1,8% so với tháng 11/2018, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 11 tháng qua lên 7,84 tỷ USD, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu một số chủng loại thủy sản sang Mỹ vẫn trong xu hướng giảm sâu, đặc biệt là với mặt hàng cá tra do ảnh hưởng của thuế CBPG giai đoạn POR14 ở mức cao khiến doanh nghiệp không thể xuất khẩu sang thị trường này. Dự báo xuất khẩu sang Mỹ chỉ có thể phục hồi trở lại khi có kết quả cuối cùng thuế CBPG giai đoạn POR15 dự kiến sẽ được công bố vào tháng 2/2020, với hy vọng mức thuế sẽ về 0% cho nhiều doanh nghiệp như kết quả sơ bộ mà Bộ Thương mại Mỹ (DOC) mới thông báo vào cuối tháng 10/2019. Ngoài ra, việc Mỹ chính thức công nhận hệ thống kiểm tra, kiểm soát sản phẩm cá và cá Siluriformes xuất khẩu của 3 nước: Việt Nam, Trung Quốc và Thái Lan đủ điều kiện tương đương với Mỹ sẽ là cơ hội thuận lợi để có thêm doanh nghiệp đủ điều kiện xuất khẩu cá tra sang thị trường này.

Cùng với Mỹ, xuất khẩu thủy sản sang EU dự kiến tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn trong ngắn hạn và nhiều khả năng sẽ có cơ hội phục hồi trở lại trong năm 2020 nếu các doanh nghiệp trong nước áp dụng hiệu quả quy tắc xuất xứ và tận dụng tốt ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA giữa Việt Nam và EU, đồng thời thực hiện đồng bộ, quyết liệt việc khắc phục cảnh báo “Thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu.



Với xu hướng này, xuất khẩu thủy sản trong tháng cuối năm có thể tương đương so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản trong cả năm 2019 lên 8,7 tỷ USD, giảm khoảng 1,2% so với kết quả đạt được trong năm 2018, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu đạt 10 tỷ USD toàn ngành đã đặt ra thời điểm đầu năm. Trong dài hạn, để có thể phát triển bền vững, trước mắt ngành Thủy sản buộc phải tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm. Đặc biệt, các doanh nghiệp cần xác định và xây dựng những quy chuẩn trong nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo đảm nghiêm ngặt an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc cũng như xây dựng thương hiệu...



### **- Mặt hàng rau quả:**

Trong tháng 11/2019, xuất khẩu rau quả tiếp tục ghi nhận diễn biến tích cực với kim ngạch ước đạt 320 triệu USD, tăng 7,7% so với tháng trước và tăng 23,6% so với tháng 11/2018. Tuy nhiên, tính chung trong 11 tháng năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả ước tính chỉ đạt 3,43 tỷ USD, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2019, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt mục tiêu 4 - 4,2 tỷ USD. Như vậy, muốn đạt mục tiêu tối thiểu 4 tỷ USD, trong tháng cuối cùng của năm nay, xuất khẩu rau quả phải đạt khoảng 570 triệu USD. Đây là con số khá cao nếu so với mức bình quân 312 triệu USD/tháng của xuất khẩu mặt hàng này trong 11 tháng qua, trong khi đó trong ngắn hạn thị trường tiêu thụ khó có thể bứt phá.

Trong đó, mặc dù thị trường Trung Quốc vẫn có nhu cầu rất cao trong việc tiêu thụ trái cây nhiệt đới nói chung và của Việt Nam nói riêng, tuy nhiên các doanh nghiệp và người nông dân cần có thời gian trong việc thích ứng với các quy định mới từ thị trường này, nhất là trong công tác đăng ký mã số vùng trồng, mã số đóng gói cơ sở và các yêu cầu về kiểm nghiệm kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc, tem nhãn hàng hóa, chứng nhận chất lượng, tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, sâu bệnh... Ngoài ra, nhiều thị trường khác cũng sẽ tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường khắt khe, trong đó có việc siết chặt mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với nông sản nhập khẩu và qui định về truy xuất nguồn gốc...

Tuy nhiên, trong năm 2020, cùng với việc đẩy mạnh đàm phán thêm nhiều loại trái cây xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc và các doanh nghiệp Việt Nam đã làm quen với những thay đổi từ thị trường này cộng với việc Việt Nam tiếp tục tận dụng tốt các cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do để mở rộng xuất khẩu, đặc biệt là khi Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực và đi vào thực thi, kỳ vọng xuất khẩu rau quả sẽ bứt phá và lấy lại đà tăng trưởng khả quan.

### **- Mặt hàng gạo:**

Trong tháng 11/2019, xuất khẩu gạo tiếp tục gặp khó khăn với lượng xuất khẩu ước đạt 400 nghìn tấn, trị giá 186 triệu USD, giảm 11,3% về lượng và giảm 10,8% về trị giá so với tháng trước. Trong 11 tháng năm 2019, tổng lượng gạo xuất khẩu ước đạt 5,9 triệu tấn, trị giá gần 2,6 tỷ USD, tăng 4,8% về lượng nhưng vẫn giảm tới 8,3% về trị giá. Nguyên nhân sụt giảm về kim ngạch là do giá gạo xuất khẩu xuống mức thấp nhất trong vòng nhiều năm trở lại đây.



Trong 11 tháng qua, giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam chỉ ở mức 440 USD/tấn, giảm 12,6% so với cùng kỳ năm 2018. Mặc dù trong tháng 11/2019 giá gạo xuất khẩu bình quân đã tăng lên 465 USD/tấn nhưng so với cùng kỳ năm trước vẫn giảm gần 5%. Giá gạo xuất khẩu giảm cũng kéo theo giá lúa gạo trong nước giảm liên tục từ đầu năm 2019 đến nay. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do gạo Việt Nam chịu sự cạnh tranh gay gắt của nhiều quốc gia xuất khẩu gạo như Ấn Độ, Thái Lan. Trong khi đó, nhu cầu nhập khẩu từ các quốc gia truyền

thống đều giảm, đặc biệt xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Trung Quốc giảm mạnh cả về số lượng và kim ngạch do Trung Quốc siết chặt các quy định nhập khẩu, đồng thời điều chỉnh chính sách thương mại, đa dạng hóa nguồn gạo nhập khẩu.

Trong ngắn hạn, dự báo xuất khẩu gạo khó có thể bứt phá do nhu cầu gạo toàn cầu vẫn chưa có nhiều tín hiệu tích cực. Trong dài hạn, để xuất khẩu gạo có thể tăng trưởng bền vững thì một trong những yếu tố cần thiết là phải tăng chất lượng từ việc áp dụng sản xuất giống chất lượng cao, tạo ra sản phẩm chế biến sâu để chiếm lĩnh những thị trường khó tính thay vì phụ thuộc vào các thị trường truyền thống. Bên cạnh đó, cần sớm hoàn thiện các tiêu chuẩn kỹ thuật như nguồn gốc xuất xứ, mã số vùng trồng, tem nhãn mác... để có thể đáp ứng được các quy định, yêu cầu ngày càng cao của các nước nhập khẩu gạo lớn trên thế giới.

#### **- Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ:**

Trong tháng 11/2019, gỗ và sản phẩm gỗ tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất trong nhóm nông, lâm, thủy sản với kim ngạch ước đạt 900 triệu USD, giảm 13,2% so với tháng trước, tăng 7,1% so với tháng 11/2018. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 700 triệu USD, giảm 6,4% so với tháng trước, tăng 14,7% so với

tháng 11/2018. Trong 11 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam ước đạt 9,45 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2018. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 6,8 tỷ USD, tăng 20,6% so với cùng kỳ năm 2018.

Theo thông lệ hàng năm giai đoạn cuối năm luôn là thời điểm các đơn hàng xuất khẩu tăng mạnh nhất về số lượng và giá trị. Do đó, nhiều khả năng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tiếp tục tăng trưởng tốt trong tháng 12/2019, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này hoàn thành mục tiêu đạt 10,5 tỷ USD đã đề ra trong năm 2019.

Có thể thấy, những trở ngại, thách thức lớn nhất mà xuất khẩu nông, lâm, thủy sản phải đối mặt trong giai đoạn hiện nay chính là việc phải tự thay đổi để đáp ứng được các quy định, yêu cầu mới trong điều kiện nhập khẩu của nhiều thị trường. Trong bối cảnh này, bên cạnh việc cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng, chú trọng công tác an toàn vệ sinh thực phẩm thì việc tuân thủ các quy định mới như truy xuất nguồn gốc, gắn mã số vùng trồng, dán tem nhãn hàng hóa... đang trở thành yếu tố quan trọng hàng đầu để có thể mở rộng thị trường tiêu thụ, tận dụng hiệu quả ưu đãi từ các Hiệp định FTA, đưa hàng nông sản Việt Nam tiến sâu hơn vào thị trường thế giới.



# XUẤT KHẨU HÀNG THỦY SẢN SANG NGA TĂNG MẠNH

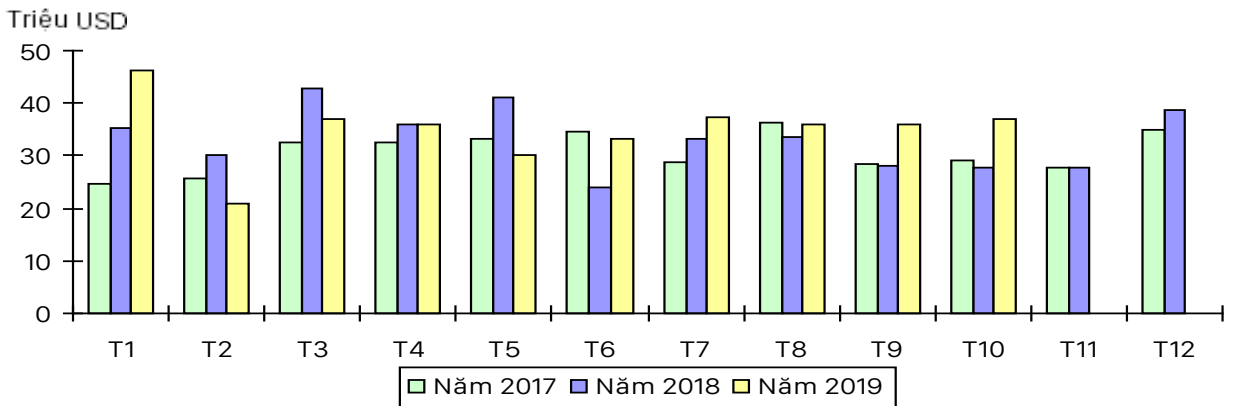
Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga trong tháng 10/2019 đạt 37 triệu USD, tăng 3,2% so với tháng trước và tăng 5,3% so với tháng 10/2018. Tính chung 10 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường này đạt 351,1 triệu USD, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2018.

Nga tăng như hàng thủy sản, hàng rau quả, gạo, hạt tiêu... nhưng xuất khẩu một số mặt hàng giảm như cà phê, hạt điều...



Trong 10 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường

## Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga năm 2017-2019 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

## Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản sang thị trường Nga 10 tháng năm 2019 (Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	10 tháng năm 2019		So với 10 tháng năm 2018 (%)		Tháng 10/2019		So với tháng 9/2019 (%)		So với tháng 10/2018 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>		<b>351.067</b>	<b>11,2</b>	<b>0,2</b>		<b>37.049</b>		<b>3,2</b>		<b>5,3</b>
Cà phê	73.515	141.455	-4,1	-11,2	4.933	11.607	-26,4	-15,0	-34,7	-21,3
Hàng thủy sản		86.949		21,2		11.317		13,6		18,7
Hạt điều	6.042	43.974	16,6	-6,7	522	3.721	-7,0	-0,6	-14,8	-23,9
Hàng rau quả		26.788		5,0		3.794		29,1		91,4
Chè	12.454	18.523	3,1	0,7	1.817	2.633	2,8	1,5	110,5	87,7
Hạt tiêu	5.040	11.042	33,0	4,4	765	1.571	119,2	118,1	216,1	140,0
Gạo	22.414	9.202	164,6	139,3	2.345	945	-12,3	-12,7	260,8	164,7
Cao su	6.662	9.130	-8,1	-9,1	954	1.200	20,8	19,8	11,7	7,4
Gỗ và sản phẩm gỗ		4.004		4,9		260		40,5		-46,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

## **Triển vọng xuất khẩu:**

Kể từ khi Việt Nam ký Hiệp định thương mại tự do với Liên minh Kinh tế Á - Âu, các doanh nghiệp tích cực tham gia các hội chợ, triển lãm để quảng bá, giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm đối tác. Hiện Việt Nam là thị trường cung cấp hàng nông, lâm, thủy sản lớn thứ 8 vào Nga, với mặt hàng cung cấp chủ yếu là cà phê, chè và các loại gia vị (HS 09) chiếm tỷ trọng trên 19,4% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này vào Nga.

Bộ Công Thương luôn tạo điều kiện tổ chức các hoạt động nhằm tăng cường sự kết nối giữa Việt Nam và Đông Âu, coi đây là cầu nối quan trọng để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh như nhóm hàng nông sản sang khu vực này.

Thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục đặt trọng tâm vào việc hỗ trợ doanh nghiệp, ngành hàng, tăng cường thúc đẩy, tận dụng tốt hơn nữa lợi thế mà các FTA mang lại; đồng thời dự báo những rào cản thương mại có thể xuất hiện để thông tin cho các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp có hướng tiếp cận hiệu quả hơn.

Dự báo trong những tháng tới, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông lâm thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga tiếp tục tăng khá do nhu cầu tiêu thụ từ thị trường này tăng và giá các mặt hàng đang ở mức rất cạnh tranh.

### *Mặt hàng cà phê:*

Theo số liệu thống kê, trong 10 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang Nga đạt kim ngạch cao nhất, với 73,5 nghìn tấn, trị giá 141,5 triệu USD, giảm 4,1% về lượng và giảm 11,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018.

Hàng năm, Nga có nhu cầu nhập khẩu khoảng 700- 750 triệu USD mặt hàng cà phê, đó là những mặt hàng mà Việt Nam có thế mạnh xuất khẩu nhưng kim ngạch xuất khẩu trong năm 2019 dự kiến giảm do công tác xúc tiến thương mại còn hạn chế.

Trong thời gian tới, các doanh nghiệp Việt Nam cần nghiên cứu cải thiện chất

lượng sản phẩm, tuyên truyền quảng bá... và khi giao dịch nên lưu ý tới phương thức thanh toán để thâm nhập tốt hơn thị trường rộng lớn và đầy tiềm năng này.

### *Mặt hàng thủy sản:*

Tiềm năng thị trường Nga còn rất lớn với nhu cầu nhập khẩu thủy sản 1,5 tỷ USD/năm, trong khi Việt Nam mới chỉ xuất khẩu dự kiến đạt 100-120 triệu USD trong năm 2019 vào thị trường này.

Theo số liệu thống kê, xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga trong 10 tháng năm 2019 đạt 22,2 nghìn tấn, trị giá 86,9 triệu USD, tăng 13,9% về lượng và tăng 21,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu cá khô đạt cao nhất là 29,5 triệu USD, tăng 83,6% so với cùng kỳ năm 2018; tiếp đến là mặt hàng surimi đạt 19 triệu USD, tăng 56,5%.

Một số mặt hàng khác có kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh trong 10 tháng năm 2019 như tôm tăng 22,3%, cá ngừ tăng 41,9%, mắm tăng 691,5%...



**Kim ngạch xuất khẩu các chủng loại thủy sản của Việt Nam sang Nga  
10 tháng năm 2019**

Tên hàng	10 tháng năm 2019			So với 10 tháng năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKTB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKTB
Tổng	22.174	86.949	3.928	13,9	21,2	
Cá khô	4.360	29.459	6.757	83,6	92,1	4,6
Surimi	8.398	19.029	2.266	56,5	62,9	4,0
Tôm các loại	1.401	12.570	8.969	22,3	6,9	-12,6
Cá tra, basa	5.162	12.533	2.428	-36,0	-32,0	6,2
Cá ngừ các loại	1.883	9.525	5.060	41,9	5,1	-25,9
Bạch tuộc các loại	383	1.845	4.816	-34,7	-38,4	-5,6
Cá đông lạnh	288	1.608	5.593	-40,2	-17,3	38,3
Mắm	240	281	1.170	691,5	458,8	-29,4
Mực các loại	59	243	4.095	-11,0	-31,3	-22,7

*Tính toán sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

**Doanh nghiệp thủy sản của Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu cao sang Nga  
10 tháng năm 2019**

STT	Tên doanh nghiệp	Kim ngạch (nghìn USD)
1	Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thực Phẩm Sài Gòn	11.275
2	Công Ty TNHH MTV Thực Phẩm Anh Long	9.888
3	Công Ty TNHH Hải Vương	9.037
4	Công Ty CP Sài Gòn Tâm Tâm	8.344
5	Công Ty TNHH Hùng Cá	8.165
6	Công Ty CP Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú	7.586
7	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hải Thanh	6.248
8	Công Ty CP Chế Biến Và Dịch Vụ Thủy Sản Cà Mau	6.213
9	Công Ty TNHH Ngọc Tuấn Surimi	5.113
10	Công Ty CP Thủy Sản Minh Phú - Hậu Giang	2.233
11	Công Ty Cổ Phần Hùng Vương	2.091
12	Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu	1.790
13	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Nam Hùng Vương	1.707
14	Công Ty CP Camimex Group	1.032
15	Công Ty CP Thủy Sản Và Xuất Nhập Khẩu Côn Đảo	954
16	Công Ty TNHH Chế Biến Thủy Sản Minh Quý	949
17	Công Ty TNHH Tín Thịnh	844
18	Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Minh Hải	453
19	Cty Cổ Phần Chế Biến Và Dịch Vụ Thủy Sản Cà Mau	394
20	Công Ty Cp Chế Biến XNK Thủy Sản Bà Rịa-Vũng Tàu	359

*Tính toán sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, chỉ dùng để tham khảo*



## ẤN ĐỘ TĂNG NHẬP KHẨU CAO SU TỪ VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ trong tháng 10/2019 đạt 31,25 triệu USD, giảm 4,9% so với tháng 9/2019 và giảm 9,9% so với cùng kỳ năm 2018.

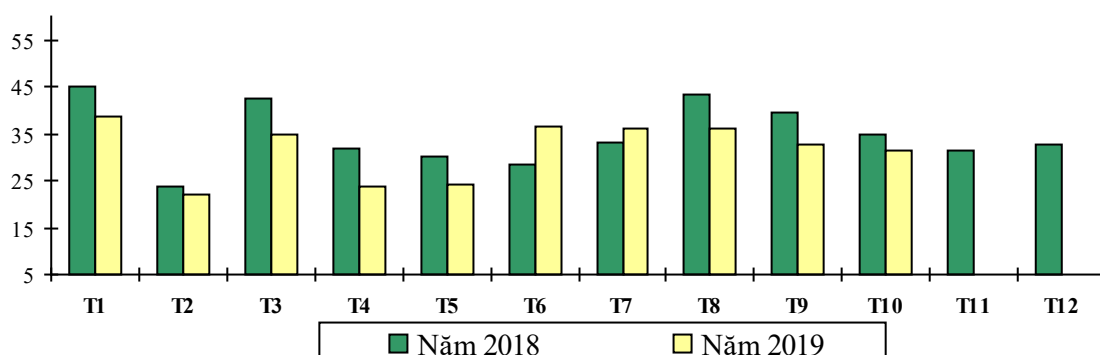
Tính từ đầu năm 2019 đến hết tháng 10/2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ giảm 9,8% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 315,57 triệu USD. Trong đó, cà phê giảm 39,9%, gỗ và sản phẩm gỗ giảm

25,9%, hàng thủy sản giảm 9,4%, hạt điều giảm 51,9%, hạt tiêu giảm 22,4%.

Tuy nhiên, xuất khẩu cao su – mặt hàng có kim ngạch cao nhất trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ tăng mạnh 34,7% về lượng và 34,1% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2018, đạt 108,07 nghìn tấn, kim ngạch đạt 154,86 triệu USD.

Xuất khẩu chè sang thị trường Ấn Độ cũng tăng 8,5% về lượng và 67,3% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2018.

### Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ năm 2018- 2019 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ trong tháng 10 và 10 tháng năm 2019 (ĐVT: Lượng: tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 10/2019		So với tháng 9/2019 (%)		So với tháng 10/2018 (%)		10 tháng năm 2019		So với 10 tháng năm 2018 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>		<b>31.252</b>		<b>-4,9</b>		<b>-9,9</b>		<b>315.573</b>		<b>-9,8</b>
Cao su	14.182	19.749	3,6	2,1	18,2	21,6	108.067	154.858	34,7	34,1
Cà phê	3.011	4.206	24,5	-25,2	-44,9	-49,1	32.182	50.050	-35,3	-39,9
Hạt tiêu	471	1.067	-41,8	-42,8	-41,6	-52,1	17.847	43.239	0,7	-22,4
Gỗ và sản phẩm gỗ		3.295		29,4		9,9		30.625		-25,9
Hàng thủy sản		1.788		-5,5		-22,1		21.523		-9,4
Chè	17	42			-82,1	-54,3	729	1.067	8,5	67,3
Hạt điều	169	1.106	-29,9	-30,9	-48,9	-56,7	2.502	14.211	-37,2	-51,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### *Xuất khẩu cao su sang thị trường Ấn Độ*

Ấn Độ hiện đang đứng thứ hai về thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam với tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2018 và trong 10 tháng năm 2019. Đặc biệt, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ tăng trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu của thị trường này giảm cho thấy sản phẩm cao su của Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh cao so với các nhà cung cấp khác.

Hội đồng cao su Ấn Độ đã điều chỉnh giảm mục tiêu sản xuất, tiêu thụ và nhập khẩu cao su trong năm tài khóa 2019/2020 đối với cao su tự nhiên do những bất ổn của nền kinh tế toàn cầu. Theo đó, sản xuất cao su của Ấn Độ trong năm tài khóa 2019/20 đã được điều chỉnh còn 730 nghìn tấn, giảm 20 nghìn tấn so với mục tiêu trước đó. Tiêu thụ cũng được điều chỉnh xuống còn 1,14 triệu tấn so với dự báo 1,27 triệu tấn trước đó. Từ sự suy giảm trong nhập khẩu trong những tháng gần đây, dự kiến nhập khẩu cao su của Ấn Độ niên vụ 2019/2020 vào khoảng 415 nghìn tấn, giảm 85 nghìn tấn so với dự báo trước.

Sản lượng cao su tự nhiên của Ấn Độ trong tháng 4 đến tháng 9 năm tài khóa 2019/2020 đạt 308 nghìn tấn, tăng 11,2% so với cùng kỳ niên vụ trước. Sản lượng tăng chủ yếu là nhờ vào sự cải tiến trong sản xuất sau khi đưa nhiều khu vực chưa được khai thác vào khai thác bù đắp cho diện tích già cỗi. Trong khi đó, tiêu thụ cao su thiên nhiên giảm trong giai đoạn từ tháng 4 - 9/2019, giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2018 xuống 567,12 nghìn tấn.

Theo số liệu thống kê của Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, trong 9 tháng năm 2019, Ấn Độ nhập khẩu 814,78 nghìn tấn cao su, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, Indonesia, Việt Nam và Hàn Quốc là 3 thị trường cung cấp cao su lớn nhất cho Ấn Độ. Tuy nhiên, lượng cao su của Ấn Độ nhập khẩu từ Indonesia và Hàn Quốc giảm mạnh 32,2% và 13,5% so với cùng kỳ năm 2018. Trong khi đó, lượng cao su nhập khẩu từ Việt Nam lại tăng mạnh 50%, đạt 99,42 nghìn tấn. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu cao su của Ấn Độ cũng tăng lên 12,2% trong 9 tháng đầu năm 2019 từ mức 7,5% trong 9 tháng năm 2018.



## Tham khảo một số thị trường cung cấp cao su thiên nhiên chính cho Ấn Độ trong 9 tháng năm 2019

Thị trường	9 tháng năm 2019		So với 9 tháng năm 2018 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (triệu USD)	Lượng	Trị giá	9 tháng 2019	9 tháng 2018
<b>Tổng</b>	<b>814.786</b>	<b>1.412</b>	<b>-5,2</b>	<b>-12,3</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
Indonesia	141.978	216	-32,2	-33,5	17,4	24,4
Việt Nam	99.422	149	54,3	50,0	12,2	7,5
Hàn Quốc	97.408	165	-13,5	-25,2	12,0	13,1
Singapore	83.168	162	17,5	14,2	10,2	8,2
Thái Lan	55.891	102	-30,2	-27,0	6,9	9,3
Malaysia	53.408	87	39,5	32,0	6,6	4,5
Nga	40.156	80	-25,7	-22,7	4,9	6,3
Mỹ	37.441	60	-10,1	-20,9	4,6	4,8
Trung Quốc	35.638	29	260,9	-6,3	4,4	1,1
Nhật Bản	30.035	104	-8,0	-7,7	3,7	3,8
Thị trường khác	140.242	263	-3,8	-12,8	17,2	17

*Nguồn: Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ*

### Triển vọng xuất khẩu

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ sụt giảm trong thời gian qua song đây vẫn là thị trường nhiều tiềm năng trong thời gian tới.

Với sức mua lớn của thị trường hơn 1 tỷ dân cũng như những nỗ lực của Ấn Độ trong việc phát triển kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh, chính sách thu hút đầu tư, sẽ là các cơ hội tốt để các doanh nghiệp Việt Nam hướng tới thị trường đầy tiềm năng này. Mặt khác, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN – Ấn Độ (AITIG) đã tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam phát huy lợi thế cạnh tranh trên thị trường Ấn Độ khi nhiều sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam được hưởng mức thuế suất 0%.

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất khi xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ là chính sách bảo hộ hàng hóa của nước này. Vào ngày 31/8/2019, Bộ Công Thương Ấn Độ ra thông báo thay đổi chế độ nhập khẩu đối với các sản phẩm hương nhang từ nhập

khẩu thông thường sang nhập khẩu hạn chế, điều này đã tạo ra nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam. Trước đó, Ấn Độ – nước sản xuất hạt điều hàng đầu thế giới cũng đã nâng mức thuế nhập khẩu lên 70%, từ mức 45% trước đây, áp dụng đối với hạt điều, kể cả hạt điều hồng, hạt điều khác (hạt điều bán thành phẩm).

Bên cạnh đó, nông sản Việt Nam xuất khẩu thô vào thị trường này khá nhiều, bán qua trung gian, bị ép giá. Đặc biệt, tuy xuất khẩu với số lượng lớn vào Ấn Độ nhưng nông sản Việt Nam lại chưa xây dựng được thương hiệu... nên giá trị xuất khẩu hàng nông sản chưa cao.

Để tăng xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ, trong thời gian tới cần tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại. Doanh nghiệp có thể đưa hàng nông sản thương hiệu Việt Nam tham gia các hội chợ, triển lãm, gửi bán tại các siêu thị, quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời tiến hành các chiến dịch quảng bá trực tiếp hàng nông sản Việt Nam đến người tiêu dùng Ấn Độ.



## QUẢNG BÌNH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG, THỦY SẢN

Quảng Bình là một tỉnh ven biển có nhiều lợi thế và điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa. Cùng với phát triển công nghiệp, dịch vụ, Quảng Bình luôn chú trọng phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, gắn với chế biến, tìm đầu ra để hướng tới xuất khẩu.

Thời gian qua, công tác xây dựng thương hiệu nông sản trên địa bàn tỉnh đã có những bước đột phá mạnh mẽ, điển hình là một số nông sản đã khẳng định được thương hiệu và bắt đầu vươn đến các thị trường xuất khẩu tiềm năng. Một số thương hiệu đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường như nấm sạch Tuấn Linh, tinh bột sắn Long Giang, Dầu lạc Nông Việt, rau Đồng Trạch, Bồ Trạch...



Nhằm tạo những bước tiến vững chắc trong phát triển kinh tế, những năm qua, tỉnh Quảng Bình đã nỗ lực huy động nhiều nguồn lực, đầu tư chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tạo ra những nông sản đặc trưng, có giá trị, phù hợp điều kiện thổ nhưỡng và phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

Tỉnh định hướng phát triển sản xuất theo hướng tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng miền. Khuyến khích các cơ sở

chế biến nông sản đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất như xay xát gạo sạch, chế biến bún bánh, chế biến mù cao su, hạt tiêu, tinh bột nghệ, tinh dầu sả, chế biến khoai dẻo, sản xuất mật ong tại các huyện Quảng Trạch, Bồ Trạch, Lệ Thủy, Tuyên Hóa, Minh Hóa. Phát triển mạnh các cơ sở sản xuất kinh doanh chế biến nấm ăn, nấm dược liệu, dầu lạc, cà gai leo và một số loại cây dược liệu có giá trị cao tại các huyện Bồ Trạch, Tuyên Hóa, Lệ Thủy, Quảng Trạch.

Về thủy sản, đây là lĩnh vực rất quan trọng, cần tái cơ cấu thủy sản, phát triển khai thác vùng biển xa theo tổ đoàn kết, tổ hợp tác trên biển hỗ trợ nhau trong sản xuất, góp phần nâng cao sản lượng, giá trị, bảo vệ chủ quyền biển đảo; chuyển đổi mạnh cơ cấu tàu cá theo hướng tăng mạnh tàu cá xa bờ, tập trung đầu tư khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, mặt nước để phát triển nuôi trồng thủy sản với các đối tượng có hiệu quả cao, chủ lực như tôm thẻ chân trắng, tôm sú... phát triển các vùng nuôi tôm công nghiệp tập trung, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ nuôi tiên tiến, quy trình nuôi bền vững, nuôi an toàn sinh học, nuôi theo hướng VietGAP đa dạng...

Bên cạnh đó, tỉnh tập trung phát triển các cơ sở sản xuất và chế biến nước mắm, mực khô, mở rộng các cơ sở chế biến thủy sản tại các địa phương có lợi thế về khai thác và chế biến thủy sản. Khuyến khích cơ sở đầu tư nâng cấp mặt bằng sản xuất; thực hiện các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường ở các khu vực chế biến thủy, hải sản. Khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc đầu tư nhà xưởng, thiết bị, đổi mới công nghệ chế biến thịt và các phụ phẩm từ thịt của các loại gia súc, gia cầm; đa dạng hóa sản phẩm, phục vụ nhu cầu thị trường và tiến tới xuất khẩu.

Đến nay, toàn tỉnh có 29 làng nghề truyền thống đã được công nhận. Nhìn chung các làng nghề, làng nghề truyền

thống đã góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, nổi bật có các làng nghề: Nón lá truyền thống Hạ Thôn, xã Quảng Tân thu hút 850 hộ với 2.100 lao động; làng nghề nón lá truyền thống Quy Hậu, xã Liên Thủy thu hút 1.600 hộ với hơn 1.600 lao động; làng nghề chế biến bún bánh mè xát Tân An, xã Quảng Thanh thu hút 232 hộ với 460 lao động. Các sản phẩm chính của làng nghề bao gồm: Nón lá, nước mắm, rượu, bún bánh, mây tre, chổi đót, chiếu cói.... Thị trường tiêu thụ đa số là thị trường nội tỉnh và các địa phương khác như tỉnh Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa, thành phố Đà Nẵng... Một số làng nghề cung cấp trực tiếp cho các doanh nghiệp đến thu mua tại xã.

Sản xuất nông nghiệp của tỉnh cũng phát triển khá toàn diện và bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa ngày càng rõ nét, chuyển mạnh sang chất lượng, giá trị; tăng trưởng bình quân thời kỳ 2010 - 2019 đạt 4,36%. Cơ cấu giống, cây trồng, mùa vụ được chuyển đổi phù hợp với đặc điểm đất đai, khí hậu; đa dạng hóa cây trồng, ổn định diện tích cây lúa và tăng diện tích cây lâu năm. Sản lượng lương thực tăng nhanh, từ 254.000 tấn năm 2010 lên 312.000 tấn năm 2019, góp phần bảo đảm an ninh lương thực. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số vùng cây tập trung quy mô lớn gắn với cơ sở chế biến như cao su, sắn, lạc, ngô, cây dược liệu; nhiều cơ sở trồng rau, hoa, quả áp dụng công nghệ cao. Tỷ trọng ngành chăn nuôi tăng từ 44,5% năm 2010 lên 47,5% năm 2019, đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp.

Chương trình xây dựng nông thôn mới bước đầu đạt được kết quả quan trọng, trở thành phong trào có sức lan rộng toàn tỉnh. Kết cấu hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư; thu nhập, đời sống nhân dân được cải thiện, diện mạo nông thôn từng bước thay đổi.

*Chú trọng thu hút đầu tư nông nghiệp công nghệ cao*

Quảng Bình có tiềm năng về đất đai để sản xuất nông nghiệp. Với 85% tổng diện tích là gò đồi, Quảng Bình có lợi thế cho việc xây dựng vùng sản xuất nông

nghiệp tập trung. Ngoài ra, nông dân Quảng Bình đã có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, là lợi thế để nâng cao trình độ canh tác. Bên cạnh đó, nhu cầu thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp sạch luôn ở mức cao. Những nền tảng quan trọng đó giúp Quảng Bình có đầy đủ khả năng để xây dựng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Cùng với việc thu hút doanh nghiệp đầu tư trực tiếp vào nông nghiệp, thời gian qua, việc đẩy mạnh sản xuất cánh đồng lớn đối với một số loại cây trồng đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện liên kết với nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Hiện, toàn tỉnh đã xây dựng được mô hình cánh đồng lớn với diện tích 7.654 ha lúa, 4.700 ha sắn. Khoảng 90% sản lượng cánh đồng lớn được các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh liên kết bao tiêu, lợi nhuận tăng 16% đến 21% so với diện tích không thực hiện liên kết.

Để tiếp tục thu hút doanh nghiệp, tỉnh Quảng Bình đang triển khai nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đối với các lĩnh vực, ngành hàng có lợi thế, phát triển nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trọng tâm là chuyển đổi sản xuất theo hướng khuyến khích sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ đáp ứng nhu cầu thị trường.

Cùng với việc chuyển chăn nuôi phân tán sang chăn nuôi tập trung, trang trại, theo hướng công nghiệp, tỉnh cũng chuyển mạnh khai thác thủy sản ven bờ sang xa bờ; đồng thời phát triển các vùng nuôi tôm công nghiệp, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường. Trong đó, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được xem là điểm nhấn phát triển của nông nghiệp Quảng Bình đến năm 2030. Riêng giai đoạn 2018-2020, tỉnh mời gọi đầu tư 8 dự án vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

Toàn tỉnh Quảng Bình hiện có khoảng 26 cơ sở nông nghiệp công nghệ cao. Riêng năm 2019, từ nguồn kinh phí chính sách nông nghiệp, tỉnh đã hỗ trợ xây dựng 6 nhà màng, áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước để sản xuất rau quả an toàn.

## KHAI MẠC LỄ HỘI CAM CAO PHONG LẦN THỨ V

Lễ hội cam Cao Phong lần thứ V được diễn ra từ ngày 23/11 đến ngày 29/11/2019 tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình với chủ đề "Cam Cao Phong hương sắc đất Mường."

Lễ hội cam Cao Phong lần thứ V với sự tham gia của gần 100 gian hàng trưng bày và bán các sản phẩm cam, quýt, bưởi các loại của huyện Cao Phong; các sản phẩm nông, lâm, thổ sản, thủ công mỹ nghệ, ẩm thực của các địa phương trong tỉnh và các tỉnh vùng Tây Bắc. Đặc biệt, trong lễ hội năm nay có hai gian hàng trưng bày các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của tỉnh Đồng Tháp. Đây là cơ hội tốt để các địa phương giao lưu học hỏi kinh nghiệm trồng và chăm sóc cây nông nghiệp giữa hai miền.

Lễ hội cam năm nay nhằm tôn vinh những người trồng cam đã cố gắng nỗ lực xây dựng thương hiệu cam Cao Phong được cả nước biết đến và hướng tới xuất khẩu.

Tỉnh Hòa Bình xác định lấy mô hình cam Cao Phong để nhân rộng ra toàn tỉnh; tiếp tục tái cơ cấu ngành nông nghiệp để cam Cao Phong phát triển hơn. Tỉnh cũng sẽ tiếp tục kết nối với các nhà đầu tư, mở rộng thị trường để các sản phẩm nông sản sạch của huyện Cao Phong nổi riêng và của tỉnh Hòa Bình nói chung tiếp tục phát triển, vươn xa hơn nữa.



## CÔNG BỐ NHÃN HIỆU TẬP THỂ SẢN PHẨM CAM, BƯỞI MƯỜNG ĐỘNG

Ngày 12/11/2019, Ủy ban Nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, tổ chức "Lễ công bố nhãn hiệu tập thể cam, bưởi Mường Động huyện Kim Bôi năm 2019" do Cục sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận. Qua đó, khẳng định danh tiếng, giá trị đặc thù của sản phẩm địa phương.

Thời gian qua, bên cạnh việc chú trọng việc hỗ trợ mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, huyện Kim Bôi tập trung và nhận thức rõ vai trò, vị trí quan trọng của công tác giới thiệu, quảng bá sản phẩm đến với người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là thông qua việc xây dựng bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm. Từ đó, khẳng định chất lượng sản phẩm, tính đặc thù của sản phẩm đặc sản của huyện để mở rộng thị trường tiêu thụ và kích hoạt sản xuất phát triển.

Việc nhận được giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể sẽ góp phần tích cực vào công

cuộc xóa đói giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Hiện nay toàn huyện có khoảng 170 ha diện tích trồng cây có múi đạt tiêu chuẩn VietGAP. Diện tích bưởi chiếm 770 ha (giá trị sản xuất thu được từ bưởi đạt 157,3 tỷ đồng). Toàn huyện có 23/27 xã, thị trấn trồng cam với tổng diện tích hơn 576 ha, sản lượng cả năm ước đạt hơn 9.100 tấn (giá trị sản xuất từ cam đạt 182,1 tỷ đồng).

Thời gian tới, huyện Kim Bôi tiếp tục đẩy mạnh việc hình thành nhiều vùng hàng hóa theo hướng tập trung với quy mô lớn, đồng thời khẳng định được giá trị kinh tế cao với các cây trồng khác. Huyện cũng đẩy mạnh việc xây dựng chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; nâng cao chất lượng sản phẩm cam, bưởi, mang lại giá trị sản xuất cao hơn.

## TRAO VĂN BẰNG BẢO HỘ NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “CAM SƠN MAI”

Ngày 22/11/2019, Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban Nhân dân huyện Hương Sơn- tỉnh Hà Tĩnh phối hợp tổ chức lễ công bố quyết định và trao văn bằng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Cam Sơn Mai” cho sản phẩm quả cam chanh của huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Cam Sơn Mai là sản vật đặc biệt gắn với khí hậu, thổ nhưỡng của vùng đất Hương Sơn. Cam Sơn Mai có hương vị thơm đặc trưng, vị ngọt thanh, đậm đà với hàm lượng vitamin C >47,09 mg/kg. Quả cam có hình dáng hơi dẹt ở 2 đầu,

giai đoạn phát triển vỏ có màu xanh và chuyển sang vàng xanh khi chín, vỏ mỏng, có 9-12 múi/quả, ít hạt. Trọng lượng quả bình quân đạt 265gr, đường kính 75mm.

Để duy trì danh tiếng, chất lượng và quảng bá thương hiệu cam đặc sản, Ủy ban Nhân dân huyện Hương Sơn đã đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh hỗ trợ thực hiện dự án “Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Cam Sơn Mai” dùng cho sản phẩm quả cam chanh của huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh”.

## BIG C KÝ KẾT VỚI 9 NHÀ CUNG CẤP CỦA TỈNH BẮC KẠN

Ngày 22/11/2019, trong khuôn khổ Diễn đàn “Kết nối cung cầu sản phẩm nông nghiệp vùng Trung du miền núi phía Bắc”, do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp cùng Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Kạn tổ chức tại tỉnh Bắc Kạn, đã diễn ra Lễ ký kết Hợp đồng hợp tác thương mại giữa Big C, một thành viên của Central Retail Việt Nam và 9 nhà cung cấp của tỉnh Bắc Kạn. Qua đó góp phần tạo công ăn việc làm ổn định cho 200 hộ nông dân, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Kạn.



Cụ thể, 9 đơn vị tham gia ký kết hợp đồng với Big C tại Bắc Kạn trong dịp này gồm: Hợp tác xã (HTX) Mai Lạp chuyên sản phẩm măng nửa tép Mai Lạp; Hộ nông dân Bàn Tiến Trung (Măng ớt đỉnh đèo gió); HTX trồng cây ăn quả Thôn Khuổi Nần II Xã Lương Hạ (Cam đường canh); HTX Nông nghiệp Thanh Niên

Như Cố (Trà ướp đắng rừng Bắc Kạn); HTX Khẩu Nua Lếch (Gạo nếp Khẩu nua lếch Ngân Sơn); Cơ sở sản xuất bánh kẹo Thanh Yên (Bánh gạo nướng Thanh Yên); Hộ kinh doanh Nông Hồng Quyên (Cơm cháy gạo nếp nướng); Hộ kinh doanh Đặng Thị Huyền (Nấm hương khô Bắc Kạn); HTX bún phở Quỳnh Niên (Phở khô Quỳnh Niên).

Lễ ký kết Hợp đồng hợp tác thương mại trên là kết quả của Biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) giữa Central Retail Việt Nam và Trung tâm khuyến nông tỉnh Bắc Kạn, diễn ra trong khuôn khổ sự kiện “Tuần lễ Hồng không hạt và các sản phẩm nông sản sạch tỉnh Bắc Kạn năm 2019”, tại Big C Thăng Long (Hà Nội) vừa qua.

Theo nội dung MOU, đại diện Big C và Trung tâm khuyến nông tỉnh Bắc Kạn cùng nhau phối hợp triển khai Dự án Sinh kế cộng đồng tại 6 huyện của tỉnh Bắc Kạn, gồm: Na Rì, Chợ Đồn, Ngân Sơn, Bạch Thông, Chợ Mới, Ba Bể, với hơn 200 hộ nông dân đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ thuộc 10 nhóm Hợp tác xã/ tổ hợp tác, để tiêu thụ sản phẩm thông qua hệ thống 17 siêu thị GO!/Big C ở khu vực phía Bắc.

Trong thời gian tới, tỉnh Bắc Kạn tiếp tục phối hợp cùng Big C triển khai chương trình liên kết doanh nghiệp vừa và nhỏ để đẩy mạnh bao tiêu các sản phẩm nông nghiệp đặc sản của địa phương.

## VIỆT NAM SẼ TẠM NGỪNG KINH DOANH TẠM NHẬP TÁI XUẤT GỖ DÁN SANG MỸ

Ngày 12/11/2019, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký ban hành Thông tư số 22/2019/TT-BCT quy định về việc tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập gỗ dán vào Việt Nam để tái xuất sang Mỹ và sẽ áp dụng vào cuối tháng 12 năm 2019.

Thông tư được căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương, nhằm tăng cường quản lý xuất khẩu gỗ dán sang Mỹ để phòng tránh gian lận thương mại về xuất xứ hàng hóa, chuyển tải bất hợp pháp, dẫn tới nguy cơ Mỹ có thể áp dụng các biện pháp siết chặt quản lý đối với gỗ dán xuất khẩu của Việt Nam, tác động tiêu cực đến sản xuất trong nước và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các doanh nghiệp làm ăn chân chính.

Theo đó, Thông tư số 22/2019/TT-BCT quy định tạm ngừng hoạt động kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập vào Việt Nam để tái xuất sang Mỹ đối với mặt hàng gỗ dán thuộc nhóm HS 44.12 theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông

tư số 65/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Thông tư áp dụng đối với thương nhân tham gia hoạt động kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập, tái xuất; các cơ quan, tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập, tái xuất và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập, tái xuất.

Thông tư chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/12/2019 đến hết ngày 31/12/2024.



## NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ 895 TẤN HẠT GIỐNG CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG XUÂN 2019- 2020

Ngày 21/11/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1674/QĐ-TTg về việc xuất cấp hạt giống cây trồng từ nguồn dự trữ Quốc gia hỗ trợ các địa phương.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xuất cấp (không thu tiền) 895 tấn hạt giống lúa, 133 tấn hạt giống ngô và 29 tấn hạt giống rau từ nguồn dự trữ Quốc gia để hỗ trợ các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh và Thanh Hóa gieo trồng vụ Đông 2019 và vụ Đông Xuân 2019 - 2020

Trong đó, tỉnh Quảng Trị được cấp 395 tấn hạt giống lúa, 26 tấn hạt giống ngô và 6,6 tấn hạt giống rau; tỉnh Quảng Bình 50 tấn hạt giống lúa, 07 tấn hạt giống ngô và 04 tấn hạt giống rau; tỉnh Hà Tĩnh 350 tấn hạt giống lúa, 10 tấn hạt giống ngô và 3,4 tấn hạt giống rau; tỉnh Thanh Hóa 100 tấn hạt giống lúa, 90 tấn hạt giống ngô và 15 tấn hạt giống rau.

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu UBND các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Thanh Hóa tiếp nhận và sử dụng số hạt giống cây trồng theo đúng quy định.

## CẤP CHỨNG THƯ MỚI CHO CÁC LÔ HÀNG THỦY SẢN XUẤT KHẨU SANG EU

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) mới có thông tin lưu ý các doanh nghiệp khi xuất khẩu thủy sản sang khu vực thị trường EU. Theo đó, từ ngày 14/12/2019, các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào EU (ngoài ra còn một số sản phẩm đùi ếch, ốc sên, gelatin và sản phẩm phối chế) sẽ thực hiện việc cấp chứng thư theo hệ thống mới Traces New Technology - TRACESNT thay cho hệ thống TRACE Classic.

Theo quy định số 2017/625 ngày 15/3/2017 của Liên minh châu Âu về kiểm soát chính thức và các hoạt động của cơ quan thẩm quyền để thi hành Luật thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và các quy định về bảo vệ sức khỏe động thực vật, sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan, qui định về việc triển khai Hệ thống Traces New Technology-TRACESNT và hệ thống công nghệ thông tin nâng cấp phục vụ kiểm soát chính thức của cơ quan thẩm quyền châu Âu có hiệu lực từ 14/12/2019.

Hệ thống TRACESNT có nhiều cải tiến, đổi mới trong việc khai báo thông tin, phân quyền. Điểm khác biệt lớn nhất là việc cấp chứng thư theo hệ thống mới này sẽ được phê duyệt bằng chữ ký điện tử, thay cho việc cấp chứng thư bằng giấy như hiện nay. Đồng thời, hệ thống sẽ chỉ chấp nhận bản gốc là bản ký số trên hệ thống, các bản khác đều là bản copy.

## BỘ TÀI CHÍNH ĐỀ XUẤT MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG 10 NĂM

Bộ Tài chính vừa chính thức công bố dự thảo Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Theo đó, chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được đề xuất áp dụng trong 10 năm, từ năm 2021 đến năm 2030, sau khi văn bản cũ hết hiệu lực.

Có 5 nhóm đối tượng được đề xuất miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, bao gồm toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; đất trồng cây hàng năm có

Vừa qua, Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản (NAFIQAD - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) cũng đã ban hành công văn số 2031/QLCL-CL1 về việc cập nhật danh sách cơ sở chế biến, xuất khẩu thủy sản vào EU.

Căn cứ đề nghị của NAFIQAD, Tổng vụ Sức khỏe và An toàn thực phẩm (DG-SANTE) thuộc Ủy ban châu Âu đã thông báo tới các nước thành viên và đăng tải Danh sách cập nhật các cơ sở chế biến thủy sản của Việt Nam được phép xuất khẩu vào EU.

Theo đó, có 18 cơ sở bổ sung vào danh sách, 17 cơ sở được điều chỉnh thông tin và 8 cơ sở bị đưa ra khỏi danh sách. Tuy nhiên, trong danh sách cập nhật trên, thông tin của các cơ sở mã số DL 06, DL 676, TS 508 có thiếu ghi chú về nhóm sản phẩm thủy sản nuôi theo như đề nghị của NAFIQAD. NAFIQAD đã có công văn gửi EU đề nghị bổ sung thông tin còn thiếu.

Do đó, NAFIQAD cũng đã thông báo và yêu cầu các đơn vị, cơ quan liên quan sớm rà soát thông tin, kịp thời thông báo về NAFIQAD nếu có sai khác thông tin của doanh nghiệp; Các cơ sở mã số DL 06, DL 676, TS 508 lưu ý tạm thời chưa xuất khẩu sản phẩm thủy sản nuôi trong khi chờ NAFIQAD nhận được thông tin cập nhật của EU, tránh để ảnh hưởng đến tiến độ xuất khẩu của doanh nghiệp.

ít nhất một vụ lúa trong năm và diện tích đất làm muối; đất nông nghiệp giao cho hộ nghèo; đất giao cho hộ gia đình để sản xuất nông nghiệp, thành viên hợp tác xã; đất giao cho tổ chức đang trực tiếp sử dụng để sản xuất nông nghiệp.

Đối với doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, vốn và đất đai là hai nguồn lực quan trọng nhất. Giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp sẽ góp phần giảm chi phí đầu vào, thúc đẩy doanh nghiệp quan tâm, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

## GIÁ NHIỀU MẶT HÀNG NÔNG SẢN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI CÓ XU HƯỚNG TĂNG



Trong tháng 11/2019, thị trường nông sản thế giới tiếp tục biến động xung quanh những thông tin về cuộc đàm phán thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc cùng với yếu tố về cung cầu.

Theo đó, đã xuất hiện những tín hiệu lạc quan từ các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung Quốc, giá tăng kỳ vọng căng thẳng thương mại có thể sớm chấm dứt. Tổng thống Mỹ Donald Trump ngày 26/11 cho biết, Mỹ và Trung Quốc đang tiến gần hơn tới thỏa thuận thương mại "giai đoạn 1", sau khi các nhà đàm phán thương mại cao cấp của hai nước điện đàm và nhất trí tiếp tục làm việc để giải quyết các vướng mắc.

Trên sàn giao dịch Chicago, giá lúa mì tại Mỹ tăng lên mức cao nhất 1 tháng do nguồn cung thắt chặt và thời tiết bất lợi ảnh hưởng đến cây trồng vụ mới. Tính đến ngày 27/11/2019, giá lúa mì kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 2,7% so với tháng 10/2019, lên 526,8 UScent/bushel.

Trái lại, giá đậu tương tại Mỹ giảm xuống mức thấp nhất hơn 2 tháng do hoạt động đẩy mạnh bán ra và áp lực cạnh tranh từ nguồn cung tại Nam Mỹ. Trên sàn Chicago, giá đậu tương kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 5,9% so với cuối tháng 10/2019, đạt 882 UScent/bushel.

Lo ngại nguồn cung giảm đã đẩy giá cà phê tăng khá mạnh trong tháng 11/2019. Trong đó, giá cà phê Robusta tăng 11,9% so với cuối tháng 10/2019, đạt 1.368 USD/tấn. Giá cà phê Arabica tăng mạnh hơn, với mức tăng lên tới 19,5%, đạt 115 UScent/lb.

Giá cao su tại Tokyo cũng tăng 13,4% so với tháng 10/2019, đạt 188,8 JPY/kg. Theo Hội đồng Cao su Quốc tế Ba bên (ITRC), sản lượng cao su của các nhà sản xuất cao su tự nhiên hàng đầu thế giới bao gồm Thái Lan, Indonesia và Malaysia dự báo giảm 800.000 tấn trong năm 2019.

Trên thị trường gạo, giá gạo 5% tấm của Thái Lan trong tháng 11/2019 ổn định ở mức 394 - 410 USD/tấn. Nhu cầu ở mức thấp nhưng đồng Baht mạnh đã giữ giá xuất khẩu duy trì ở mức cao. Chính phủ Thái Lan đã tăng cường nỗ lực mở thị trường mới cho gạo Thái Lan, nhưng triển vọng xuất khẩu vẫn không có nhiều cải thiện do giá cao và cạnh tranh khó khăn hơn.

Còn tại Ấn Độ, trong tháng 11/2019, giá gạo đỏ 5% tấm đã giảm 8 USD/tấn xuống mức thấp nhất kể từ tháng 1/2017, đạt 358 - 362 USD/tấn. Nhu cầu xuất khẩu thấp trong khi nguồn cung từ vụ mùa mới đã bắt đầu được đưa ra thị trường.

## Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 27/11/2019

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 27/11/2019	So với ngày 28/10/2019 (%)	So với ngày 1/1/2019 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	373,3	-3,1	-0,7
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	526,8	2,7	3,6
Lúa mạch	UScent/bushel	316,5	5,5	13,7
Đậu tương	UScent/bushel	882,0	-5,9	-2,7
Khô đậu tương	USD/tấn	296,2	-2,5	-5,0
Dầu đậu tương	UScent/bushel	30,5	-1,9	8,1
Hạt cải	CAD/tấn	458,4	-1,2	-5,7
Ca cao	USD/tấn	2.597,0	4,6	7,8
Đường thô	UScent/lb	12,8	3,4	7,7
Nước cam	UScent/lb	99,8	-1,3	-18,8
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.368,0	11,9	-10,5
Cà phê Arabica	UScent/lb	115,0	19,5	10,5
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	416,1	1,5	24,3
Gạo đỏ 5% tến Ấn Độ	USD/tấn	362,0	-2,7	-5,7
Gạo trắng 5% tến Thái Lan	USD/tấn	410,0	0,0	5,1
Cao su Toccom	JPY/kg	188,8	13,4	12,3

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

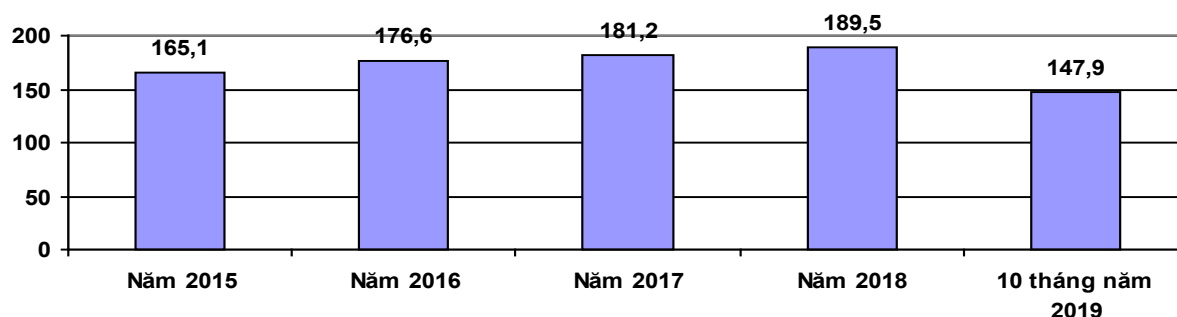
## THỊ TRƯỜNG HỒNG KÔNG ĐẨY MẠNH NHẬP KHẨU CÁC MẶT HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

Theo số liệu thống kê của Cục Điều tra dân số và Thống kê Hồng Kông, trong 5 năm trở lại đây, kim ngạch nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào thị trường Hồng Kông liên tục tăng, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 3,5%/năm, và đạt mức cao nhất năm 2018 là 189,5 tỷ đô la Hồng Kông (HKD).

Tuy nhiên, trong 10 tháng năm 2019, nhập khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản vào thị trường Hồng Kông chỉ đạt gần 147,9 tỷ HKD, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2018.



### Kim ngạch nhập khẩu nông, lâm, thủy sản vào thị trường Hồng Kông từ năm 2015 đến năm 2019 (Đvt: tỷ HKD)



Nguồn: Cục Điều tra dân số và Thống kê Hồng Kông



Trong số các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào thị trường Hồng Kông 10 tháng năm 2019, mặt hàng thịt và phụ phẩm dạng thịt được nhập khẩu nhiều nhất, chiếm 23,1% tổng trị giá nhập khẩu, tiếp đến là mặt hàng quả và quả hạch chiếm 20,5%; mặt hàng thủy sản chiếm 17,8% và nhóm mặt hàng sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng chim và trứng gia cầm, mật ong tự nhiên, sản phẩm ăn được nguồn gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác chiếm 10,5%... Đáng chú ý, trong số 18 nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Hồng Kông 10 tháng năm 2019, nhóm hàng động vật sống có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất, tăng 51%, đạt 6,59 tỷ HKD.

Đối với Việt Nam, hiện mặt hàng ngũ cốc (chiếm 96,8% là gạo) đang là mặt hàng có thị phần lớn nhất tại thị trường Hồng Kông, chiếm 18,3%; mặt hàng thủy sản chiếm 4,2%; mặt hàng sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây chiếm 3,3% và các sản phẩm xay

xát, malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì chiếm 3%; cao su chiếm 2,1%; đa số các mặt hàng còn lại chiếm tỷ trọng thấp trên dưới 1%. Trong đó, một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam có thị phần tăng trong 10 tháng năm nay so với cùng kỳ năm ngoái như: Mặt hàng gạo tăng lên 19% so với mức 16,1% cùng kỳ năm ngoái; quả và quả hạch ăn được tăng lên 1,6% so với mức 0,6%; cà phê tăng lên 6,4% so với mức 4,6%; thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ tăng lên 1% so với mức 0,6%...



### Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào thị trường Hồng Kông trong 10 tháng năm 2019

	Hồng Kông nhập khẩu từ thế giới (Đvt: triệu HKD)		So sánh 10 tháng	Thị phần hàng Việt Nam trong KNNK của Hồng Kông (%)	
	10 tháng năm 2018	10 tháng năm 2019		10 tháng năm 2018	10 tháng năm 2019
<b>Tổng</b>	<b>155.782</b>	<b>147.936</b>	<b>-5,0</b>	<b>1,5</b>	<b>1,9</b>
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	42.159	34.201	-18,9	0,6	1,0
Hàng thủy sản	30.054	26.345	-12,3	4,0	4,2
<i>Thủy sản chưa qua chế biến</i>	21.556	19.249	-10,7	5,2	5,2
<i>Thủy sản đã chế biến</i>	8.498	7.097	-16,5	1,1	1,4
Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	28.120	30.266	7,6	0,6	1,6
Sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng chim và trứng gia cầm, mật ong tự nhiên, sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	14.846	15.493	4,4	0,6	1,1
Các sản phẩm chế biến ăn được khác	10.928	10.092	-7,7	0,3	0,4

	Hong Kông nhập khẩu từ thế giới (Đvt: triệu HKD)		So sánh 10 tháng	Thị phần hàng Việt Nam trong KNNK của Hong Kông (%)	
	10 tháng năm 2018	10 tháng năm 2019		10 tháng năm 2018	10 tháng năm 2019
	Động vật sống	4.365		6.590	51,0
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	5.082	4.865	-4,3	0,2	0,3
Gỗ và sản phẩm gỗ	3.859	4.056	5,1	1,0	0,9
<i>Gỗ nguyên liệu</i>	2.339	2.489	6,4	0,2	0,3
<i>Đồ nội thất bằng gỗ</i>	1.520	1.567	3,1	2,2	1,8
Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các Phần khác của cây	3.435	3.700	7,7	3,0	3,3
Cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao	2.182	2.493	14,3	0,2	0,2
Hạt và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác, cây công nghiệp hoặc cây dược liệu, rơm rạ và cây làm thức ăn gia súc	2.641	2.336	-11,6	0,1	0,1
Ngũ cốc	1.973	1.972	-0,1	15,5	18,3
<i>Gạo</i>	1.906	1.909	0,2	16,1	19,0
Cà phê, chè và các loại gia vị	2.207	1.830	-17,1	2,6	1,7
<i>Chè</i>	924	1.135	22,7	2,2	0,0
<i>Cà phê</i>	519	335	-35,3	4,6	6,4
<i>Hạt tiêu</i>	64	83	30,7	15,3	7,1
Các sản phẩm xay xát, malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì	1.357	1.312	-3,3	3,1	3,0
Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	1.022	1.149	12,5	0,0	0,0
Cao su	1.055	819	-22,3	1,6	2,1
Cây sống và các loại cây trồng khác, củ, rễ và các loại tương tự, cành hoa rời và các loại cành lá trang trí	441	351	-20,4	1,2	1,6
Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện, các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	57	67	17,7	0,1	0,4

Nguồn: Cục Điều tra dân số và Thống kê Hong Kông

### **Đặc điểm về thị trường Hong Kông và cơ hội cho các nước có nền nông nghiệp phát triển**

Với đặc điểm về địa hình, Hong Kông không có điều kiện để phát triển sản xuất nông nghiệp do hạn chế về đất đai, do đó, trên 95% nguồn cung thực phẩm tại thị trường Hong Kông phải nhập khẩu, đưa Hong Kông trở thành thị trường tiềm

năng đối với các nhà sản xuất thực phẩm trên thế giới.

Bên cạnh đó, Hong Kông là thị trường tái xuất khẩu nên các doanh nghiệp có thể thông qua Hong Kông để tiếp cận tới các thị trường khác trên thế giới. Hong Kông được xem là trung tâm tài chính, thương mại quan trọng của châu Á và thế giới, đồng thời tập trung nhiều trụ sở

các công ty lớn của châu Á – Thái Bình Dương. Thị trường Hồng Kông nhập khẩu hàng nông, thủy sản từ các nước trên thế giới và tái xuất khẩu tới 30% trong số đó.

Ngoài ra, thuế nhập khẩu của Hồng Kông ở mức thấp. Hồng Kông có nền kinh tế giàu có và là một thị trường tự do với mức thuế nhập khẩu gần như bằng 0 và là yếu tố rất thuận lợi cho các nhà xuất khẩu thực phẩm đồ uống....

Đối với Việt Nam, hiện thị phần hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tại thị trường Hồng Kông vẫn chỉ ở mức thấp, chưa đến 2%, do đó, cơ hội tăng thị phần hàng nông sản Việt Nam tại thị trường Hồng Kông vẫn rất lớn, đặc biệt là mặt hàng gạo. Theo Hiệp hội các doanh nghiệp nhập khẩu gạo Hồng Kông, Hồng Kông có 7,5 triệu dân, 95% lương thực được nhập khẩu từ nhiều nước trên thế giới. Mỗi năm thị trường này nhập khẩu từ 300-340 nghìn tấn gạo từ nhiều nước khác nhau.

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, trong những năm gần đây, Hồng Kông là một trong những thị trường quan trọng của gạo xuất khẩu Việt Nam với vị trí thứ 2 trong số các nước xuất khẩu gạo nhiều nhất vào thị trường Hồng Kông, chủ yếu là các loại gạo thơm như Jasmine, Nàng Hoa, KDM... Năm 2020, dự kiến khối lượng gạo mà thị trường Hồng Kông có nhu cầu nhập khẩu của Việt Nam sẽ trong khoảng từ 90.000 – 120.000 tấn.

Tuy vậy, để có thể đẩy mạnh xuất khẩu gạo sang thị trường Hồng Kông, các doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý đến vấn đề chất lượng, theo đó, ngành lúa gạo Việt Nam cũng đang chú trọng xây dựng các cánh đồng liên kết với nông dân theo các tiêu chuẩn quốc tế như: Organic (USDA – Mỹ, EU, Nhật), Global GAP, SRP (tiêu chuẩn sản xuất gạo bền vững do Chương trình Môi trường Liên hiệp quốc cùng Viện Nghiên cứu Lúa Quốc tế sáng lập và vận hành)... để nâng cao giá trị thương hiệu gạo Việt Nam.



► Ngày 12/11/2019, tại Trung tâm Hội chợ triển lãm Kim Thành, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã khai mạc Hội chợ Thương mại quốc tế Việt- Trung lần thứ 19, năm 2019 với chủ đề "Thiết thực, hợp tác - Hội nhập, phát triển". Hội chợ là hoạt động nằm trong khuôn khổ Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia 2019 do Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Công Thương, Sở Công Thương tỉnh Lào Cai phối hợp cùng Cục Thương vụ Châu Hồng Hà, Chính quyền nhân dân huyện Hà Khẩu tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) tổ chức.

► Ngày 25/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tổ chức Lễ khen thưởng và tri ân nhóm nghiên cứu giống lúa ST25 (thế hệ mới của lúa ST24), giống lúa vừa đoạt giải cao nhất trong cuộc thi Gạo ngon nhất thế giới năm 2019. Vinh danh nhóm nghiên cứu lai tạo giống lúa ST25, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng trân trọng ghi nhận, biểu dương và chúc mừng Anh hùng Lao động Hồ Quang Cua, tiến sỹ Trần Tấn Phương và thạc sỹ Nguyễn Thị Thu Hương đã nghiên cứu, lai tạo thành công giống lúa ST25 vừa giành giải nhất cuộc thi Gạo ngon nhất thế giới tại Hội chợ Thương mại thế giới lần thứ 11 ở Philippin.

► Ngày 27/11/2019, đoàn Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk cùng các lãnh đạo tỉnh Đắk Lắk và thành phố Buôn Ma Thuột phối hợp với Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney cùng Văn phòng Thương vụ Việt Nam tại Australia tổ chức buổi tọa đàm quảng bá địa phương và gặp gỡ doanh nghiệp năm 2019. Với lợi thế về khí hậu và thổ nhưỡng, tỉnh Đắk Lắk mong muốn có thể xuất khẩu sang thị trường Australia các mặt hàng chủ lực của tỉnh như cà phê, hạt tiêu, điều,

chuối, bơ, sầu riêng. Tỉnh kêu gọi các nhà đầu tư và doanh nghiệp của Australia quan tâm đến các lĩnh vực đầu tư đầy tiềm năng của tỉnh như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, y tế và giáo dục.

► Ngày 28/11, tại thành phố Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk tổ chức Lễ khai mạc Hội chợ nông nghiệp và sản phẩm OCOP (Chương trình quốc gia mỗi xã, phường một sản phẩm) khu vực Tây Nguyên tại tỉnh Đắk Lắk năm 2019. Hội chợ là hoạt động xúc tiến thương mại quan trọng, nhằm mục đích quảng bá hình ảnh, nâng cao sức cạnh tranh các sản phẩm nhãn hiệu OCOP của các tỉnh như Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng và Đắk Nông; đồng thời, cũng nhằm đưa các sản phẩm OCOP của khu vực Tây Nguyên trở thành thương hiệu mạnh trên phạm vi cả nước để từng bước phát triển ra thị trường quốc tế.

► Trong 2 ngày (22-23/11/2019), tại Đà Nẵng, Bộ Công Thương phối hợp với UBND TP. Đà Nẵng tổ chức Diễn đàn Logistics Việt Nam (VLF) năm 2019 với chủ đề "Logistics nâng cao giá trị chuỗi nông sản". Với mục tiêu khơi thông dòng chảy logistics, Diễn đàn VLF 2019 tiếp tục đề cập và bàn thảo những vấn đề chiến lược và thực tiễn của ngành logistics Việt Nam trong mối tương quan với bối cảnh kinh tế trong nước, quốc tế và trước xu hướng phát triển của công nghệ số. Diễn đàn VLF 2019 cũng đặt mục tiêu tăng cường kết nối đa phương, kết nối chuỗi giá trị tạo nền tảng bền vững nâng cao giá trị đóng góp của logistics trong GDP cả nước trong những năm tới.